

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG

Số: 371 /BC-DRAGONGROUP

V/v Đăng tải thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở
xã hội Tòa nhà CT2A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc
khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái
Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 01 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Nhà Ở số 27/2023/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2023 và các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15 được Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 27/06/2025 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình về việc Chấp thuận Chủ trương Đầu tư đồng thời Chấp thuận nhà đầu tư Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;



Công ty cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long là Chủ đầu tư Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên).

Thực hiện quy định của pháp luật về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Công ty chúng tôi kính đề nghị Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên xem xét, thực hiện đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng các thông tin liên quan đến việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội tại Tòa nhà CT2A thuộc Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên) theo quy định, nhằm bảo đảm việc cung cấp thông tin rộng rãi, minh bạch để các đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định pháp luật được biết và thực hiện đăng ký mua nhà ở xã hội tại Dự án.

Nội dung thông tin đăng tải được đính kèm Báo cáo này.

Kính mong được Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên quan tâm giúp đỡ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như: Kính gửi;
- Lưu: VT./.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT NHẬP KHẨU THĂNG LONG**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Anh





THÔNG BÁO

(Về việc công khai thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội của Tòa CT2A)

Tên dự án: Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. **Chủ đầu tư:** Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long.
3. **Địa điểm xây dựng:** Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên.
4. **Thời điểm bắt đầu tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Từ ngày 08 tháng 04 năm 2026.
5. **Thời điểm kết thúc tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Đến hết ngày 08 tháng 05 năm 2026.

Trường hợp quá thời hạn đăng ký mua mà chưa đủ số hồ sơ tương ứng với số căn hộ dự kiến đưa vào bán, Chủ đầu tư sẽ mở đợt tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội đợt tiếp theo cho đến khi hết số căn hộ của Tòa CT2A.

6. **Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua:** Tầng 01, trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Thăng Long, Km3+500 đường Hùng Vương, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên;

Điện thoại: 1800.599.961/1800.9066

7. **Số lượng căn hộ nhà ở xã hội dự kiến đưa vào bán:** 168 căn hộ (theo Danh sách đính kèm).
8. **Diện tích các căn hộ:** Từ 42,48 m² đến 69,35 m². (Nội dung chi tiết theo Danh sách đính kèm).
9. **Giá bán nhà ở xã hội:** 18.500.000 đồng/m² (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm kinh phí bảo trì theo quy định)

10. **Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:** Theo hướng dẫn tại Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ; Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng; Thông tư số 32/2025/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 08/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

11. **Thông tin đăng tải trên:**

- Website của chủ đầu tư: <https://dragongroup.co/>;
- Website của Sở xây dựng Hưng Yên: <https://soxaydung.hungyen.gov.vn/>.

Kính mời Quý khách hàng có nhu cầu xin liên hệ để đăng ký và được hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ mua căn hộ tại Dự án.

Trân trọng!

ĐƠN N: 1000213793

ĐẦU TƯ XNK

THĂNG LONG

TỈNH HUNG YÊN

DANH SÁCH CÁC CĂN HỘ NOXH THUỘC TÒA NHÀ CT2A DỰ KIẾN ĐƯA VÀO BÁN

DỰ ÁN KHU NOXH THUỘC KHU A VÀ KHU B, KHU DÂN CƯ XÃ VŨ PHÚC

(Đính kèm Báo cáo số 341/BC-DRAGONGROUP ngày 9 tháng 3 năm 2026 V/v Đăng tải thông tin tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội Tòa nhà CT2A tại Dự án khu nhà ở xã hội thuộc khu A và khu B, khu dân cư xã Vũ Phúc, thành phố Thái Bình (nay là phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên)

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
	Tổng cộng			168			10.738,24	9.680,72
I.	TÒA NHÀ CT2A						10.738,24	9.680,72
1	CT2A-201	CH-D1	NOXH	1	CT2A	2	75,75	67,03
2	CT2A-202	CH-C1	NOXH	1	CT2A	2	67,42	61,78
3	CT2A-203	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	2	67,42	61,77
4	CT2A-204	CH-B1	NOXH	1	CT2A	2	51,80	46,26
5	CT2A-205	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	2	51,19	46,28
6	CT2A-206	CH-C2	NOXH	1	CT2A	2	63,72	58,25
7	CT2A-207	CH-D2	NOXH	1	CT2A	2	77,78	69,35
8	CT2A-208	CH-B2	NOXH	1	CT2A	2	47,90	42,48
9	CT2A-209	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	2	68,12	61,78
10	CT2A-210	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	2	67,95	61,73
11	CT2A-211	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	2	68,15	61,78
12	CT2A-212	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	2	74,94	67,03
13	CT2A-213	CH-D1	NOXH	1	CT2A	2	75,75	67,03
14	CT2A-214	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	2	52,00	46,16
15	CT2A-215	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	2	67,95	61,73
16	CT2A-216	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	2	68,12	62,01
17	CT2A-217	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	2	51,37	46,47
18	CT2A-218	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	2	51,80	46,22
19	CT2A-219	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	2	67,42	61,78
20	CT2A-220	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	2	50,79	46,14
21	CT2A-221	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	2	74,94	67,03
22	CT2A-301	CH-D1	NOXH	1	CT2A	3	75,75	67,03
23	CT2A-302	CH-C1	NOXH	1	CT2A	3	67,42	61,78
24	CT2A-303	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	3	67,42	61,77
25	CT2A-304	CH-B1	NOXH	1	CT2A	3	51,80	46,26
26	CT2A-305	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	3	51,19	46,28
27	CT2A-306	CH-C2	NOXH	1	CT2A	3	63,72	58,25
28	CT2A-307	CH-D2	NOXH	1	CT2A	3	77,78	69,35
29	CT2A-308	CH-B2	NOXH	1	CT2A	3	47,90	42,48
30	CT2A-309	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	3	68,12	61,78
31	CT2A-310	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	3	67,95	61,73
32	CT2A-311	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	3	68,15	61,78
33	CT2A-312	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	3	74,94	67,03
34	CT2A-313	CH-D1	NOXH	1	CT2A	3	75,75	67,03
35	CT2A-314	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	3	52,00	46,16
36	CT2A-315	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	3	67,95	61,73
37	CT2A-316	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	3	68,12	62,01
38	CT2A-317	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	3	51,37	46,47
39	CT2A-318	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	3	51,80	46,22
40	CT2A-319	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	3	67,42	61,78
41	CT2A-320	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	3	50,79	46,14
42	CT2A-321	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	3	74,94	67,03
43	CT2A3A01	CH-D1	NOXH	1	CT2A	4	75,75	67,03
44	CT2A3A02	CH-C1	NOXH	1	CT2A	4	67,42	61,78

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
45	CT2A3A03	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	4	67,42	61,77
46	CT2A3A04	CH-B1	NOXH	1	CT2A	4	51,80	46,26
47	CT2A3A05	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	4	51,19	46,28
48	CT2A3A06	CH-C2	NOXH	1	CT2A	4	63,72	58,25
49	CT2A3A07	CH-D2	NOXH	1	CT2A	4	77,78	69,35
50	CT2A3A08	CH-B2	NOXH	1	CT2A	4	47,90	42,48
51	CT2A3A09	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	4	68,12	61,78
52	CT2A3A10	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	4	67,95	61,73
53	CT2A3A11	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	4	68,15	61,78
54	CT2A3A12	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	4	74,94	67,03
55	CT2A3A13	CH-D1	NOXH	1	CT2A	4	75,75	67,03
56	CT2A3A14	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	4	52,00	46,16
57	CT2A3A15	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	4	67,95	61,73
58	CT2A3A16	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	4	68,12	62,01
59	CT2A3A17	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	4	51,37	46,47
60	CT2A3A18	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	4	51,80	46,22
61	CT2A3A19	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	4	67,42	61,78
62	CT2A3A20	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	4	50,79	46,14
63	CT2A3A21	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	4	74,94	67,03
64	CT2A-501	CH-D1	NOXH	1	CT2A	5	75,75	67,03
65	CT2A-502	CH-C1	NOXH	1	CT2A	5	67,42	61,78
66	CT2A-503	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	5	67,42	61,77
67	CT2A-504	CH-B1	NOXH	1	CT2A	5	51,80	46,26
68	CT2A-505	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	5	51,19	46,28
69	CT2A-506	CH-C2	NOXH	1	CT2A	5	63,72	58,25
70	CT2A-507	CH-D2	NOXH	1	CT2A	5	77,78	69,35
71	CT2A-508	CH-B2	NOXH	1	CT2A	5	47,90	42,48
72	CT2A-509	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	5	68,12	61,78
73	CT2A-510	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	5	67,95	61,73
74	CT2A-511	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	5	68,15	61,78
75	CT2A-512	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	5	74,94	67,03
76	CT2A-513	CH-D1	NOXH	1	CT2A	5	75,75	67,03
77	CT2A-514	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	5	52,00	46,16
78	CT2A-515	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	5	67,95	61,73
79	CT2A-516	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	5	68,12	62,01
80	CT2A-517	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	5	51,37	46,47
81	CT2A-518	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	5	51,80	46,22
82	CT2A-519	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	5	67,42	61,78
83	CT2A-520	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	5	50,79	46,14
84	CT2A-521	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	5	74,94	67,03
85	CT2A-601	CH-D1	NOXH	1	CT2A	6	75,75	67,03
86	CT2A-602	CH-C1	NOXH	1	CT2A	6	67,42	61,78
87	CT2A-603	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	6	67,42	61,77
88	CT2A-604	CH-B1	NOXH	1	CT2A	6	51,80	46,26
89	CT2A-605	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	6	51,19	46,28
90	CT2A-606	CH-C2	NOXH	1	CT2A	6	63,72	58,25
91	CT2A-607	CH-D2	NOXH	1	CT2A	6	77,78	69,35
92	CT2A-608	CH-B2	NOXH	1	CT2A	6	47,90	42,48
93	CT2A-609	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	6	68,12	61,78
94	CT2A-610	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	6	67,95	61,73
95	CT2A-611	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	6	68,15	61,78
96	CT2A-612	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	6	74,94	67,03
97	CT2A-613	CH-D1	NOXH	1	CT2A	6	75,75	67,03

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích tìm tương (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
98	CT2A-614	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	6	52,00	46,16
99	CT2A-615	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	6	67,95	61,73
100	CT2A-616	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	6	68,12	62,01
101	CT2A-617	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	6	51,37	46,47
102	CT2A-618	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	6	51,80	46,22
103	CT2A-619	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	6	67,42	61,78
104	CT2A-620	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	6	50,79	46,14
105	CT2A-621	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	6	74,94	67,03
106	CT2A-701	CH-D1	NOXH	1	CT2A	7	75,75	67,03
107	CT2A-702	CH-C1	NOXH	1	CT2A	7	67,42	61,78
108	CT2A-703	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	7	67,42	61,77
109	CT2A-704	CH-B1	NOXH	1	CT2A	7	51,80	46,26
110	CT2A-705	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	7	51,19	46,28
111	CT2A-706	CH-C2	NOXH	1	CT2A	7	63,72	58,25
112	CT2A-707	CH-D2	NOXH	1	CT2A	7	77,78	69,35
113	CT2A-708	CH-B2	NOXH	1	CT2A	7	47,90	42,48
114	CT2A-709	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	7	68,12	61,78
115	CT2A-710	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	7	67,95	61,73
116	CT2A-711	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	7	68,15	61,78
117	CT2A-712	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	7	74,94	67,03
118	CT2A-713	CH-D1	NOXH	1	CT2A	7	75,75	67,03
119	CT2A-714	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	7	52,00	46,16
120	CT2A-715	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	7	67,95	61,73
121	CT2A-716	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	7	68,12	62,01
122	CT2A-717	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	7	51,37	46,47
123	CT2A-718	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	7	51,80	46,22
124	CT2A-719	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	7	67,42	61,78
125	CT2A-720	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	7	50,79	46,14
126	CT2A-721	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	7	74,94	67,03
127	CT2A-801	CH-D1	NOXH	1	CT2A	8	75,75	67,03
128	CT2A-802	CH-C1	NOXH	1	CT2A	8	67,42	61,78
129	CT2A-803	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	8	67,42	61,77
130	CT2A-804	CH-B1	NOXH	1	CT2A	8	51,80	46,26
131	CT2A-805	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	8	51,19	46,28
132	CT2A-806	CH-C2	NOXH	1	CT2A	8	63,72	58,25
133	CT2A-807	CH-D2	NOXH	1	CT2A	8	77,78	69,35
134	CT2A-808	CH-B2	NOXH	1	CT2A	8	47,90	42,48
135	CT2A-809	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	8	68,12	61,78
136	CT2A-810	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	8	67,95	61,73
137	CT2A-811	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	8	68,15	61,78
138	CT2A-812	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	8	74,94	67,03
139	CT2A-813	CH-D1	NOXH	1	CT2A	8	75,75	67,03
140	CT2A-814	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	8	52,00	46,16
141	CT2A-815	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	8	67,95	61,73
142	CT2A-816	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	8	68,12	62,01
143	CT2A-817	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	8	51,37	46,47
144	CT2A-818	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	8	51,80	46,22
145	CT2A-819	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	8	67,42	61,78
146	CT2A-820	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	8	50,79	46,14
147	CT2A-821	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	8	74,94	67,03
148	CT2A-901	CH-D1	NOXH	1	CT2A	9	75,75	67,03
149	CT2A-902	CH-C1	NOXH	1	CT2A	9	67,42	61,78
150	CT2A-903	CH-C1A	NOXH	1	CT2A	9	67,42	61,77

STT	Mã căn hộ	Mã căn hộ theo TK	Loại căn hộ	Số lượng	Khối nhà theo TKCS	Tầng số	Diện tích tim tường (m ²)	Diện tích thông thủy (m ²)
151	CT2A-904	CH-B1	NOXH	1	CT2A	9	51,80	46,26
152	CT2A-905	CH-B1C	NOXH	1	CT2A	9	51,19	46,28
153	CT2A-906	CH-C2	NOXH	1	CT2A	9	63,72	58,25
154	CT2A-907	CH-D2	NOXH	1	CT2A	9	77,78	69,35
155	CT2A-908	CH-B2	NOXH	1	CT2A	9	47,90	42,48
156	CT2A-909	CH-C1F	NOXH	1	CT2A	9	68,12	61,78
157	CT2A-910	CH-C1E	NOXH	1	CT2A	9	67,95	61,73
158	CT2A-911	CH-C1G	NOXH	1	CT2A	9	68,15	61,78
159	CT2A-912	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	9	74,94	67,03
160	CT2A-913	CH-D1	NOXH	1	CT2A	9	75,75	67,03
161	CT2A-914	CH-B1B	NOXH	1	CT2A	9	52,00	46,16
162	CT2A-915	CH-C1D	NOXH	1	CT2A	9	67,95	61,73
163	CT2A-916	CH-C1C	NOXH	1	CT2A	9	68,12	62,01
164	CT2A-917	CH-B1E	NOXH	1	CT2A	9	51,37	46,47
165	CT2A-918	CH-B1D	NOXH	1	CT2A	9	51,80	46,22
166	CT2A-919	CH-C1B	NOXH	1	CT2A	9	67,42	61,78
167	CT2A-920	CH-B1A	NOXH	1	CT2A	9	50,79	46,14
168	CT2A-921	CH-D1A	NOXH	1	CT2A	9	74,94	67,03

